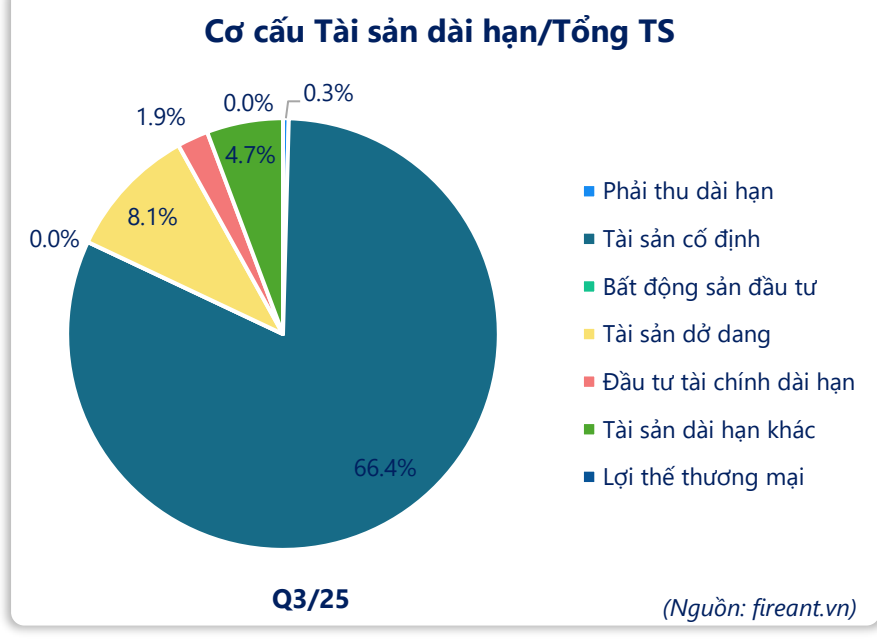
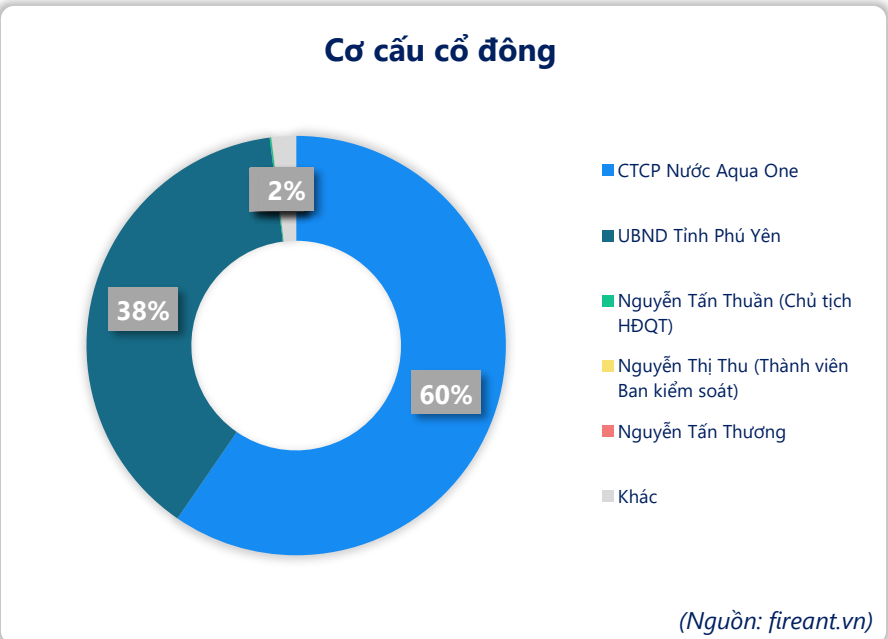
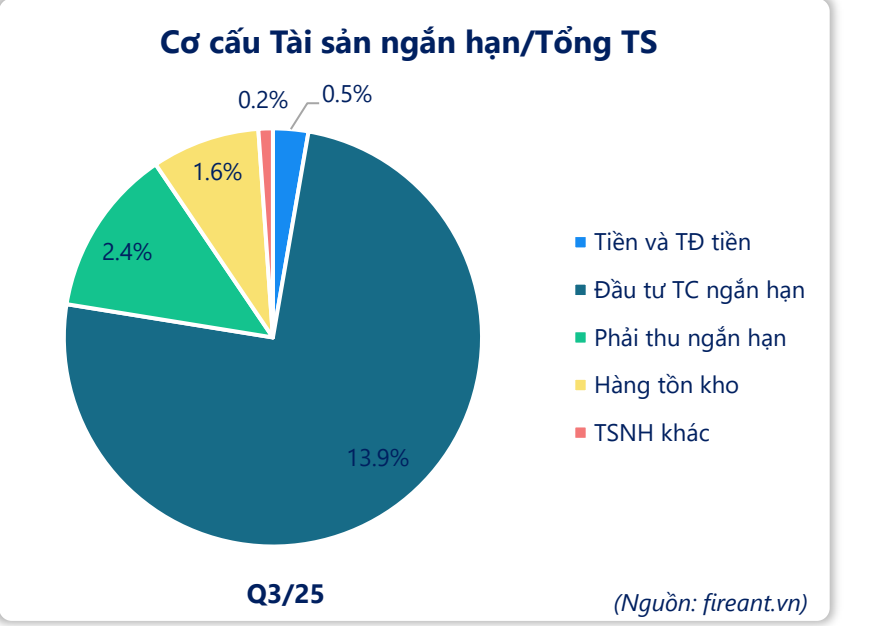
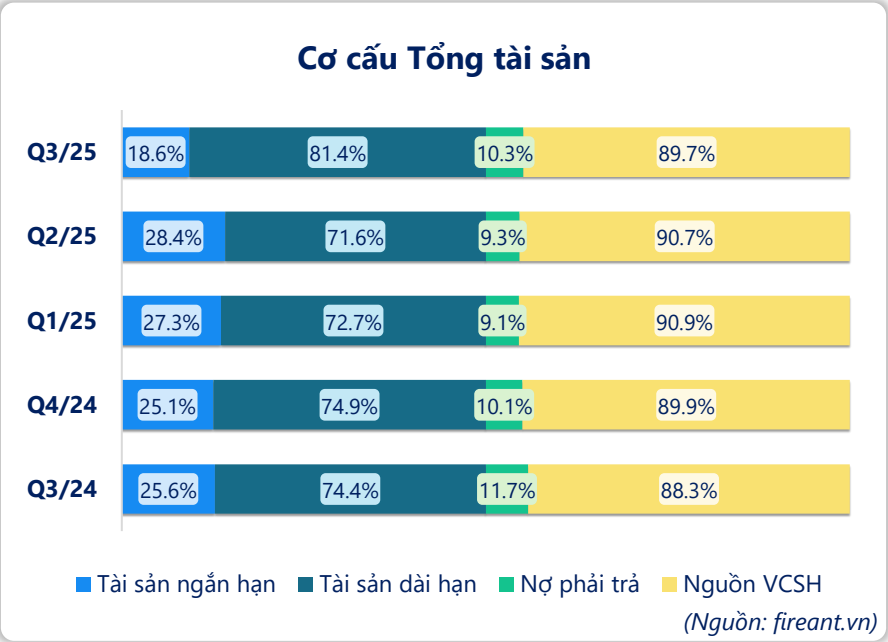
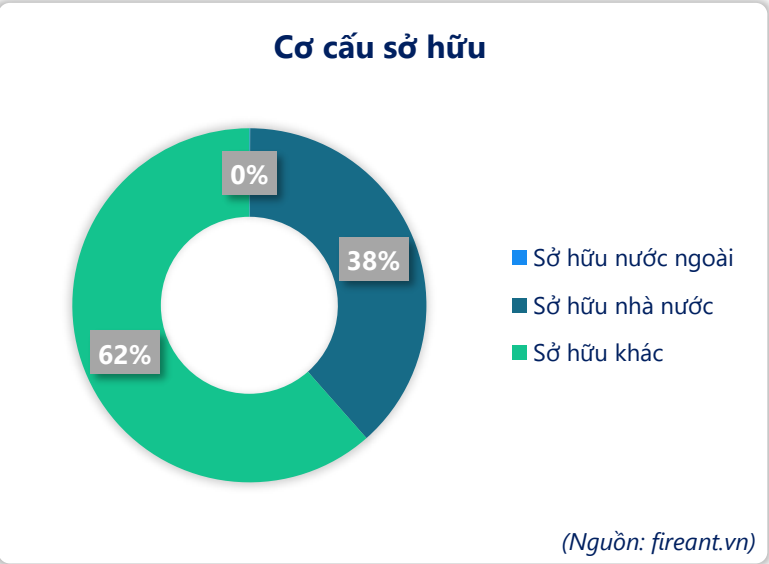
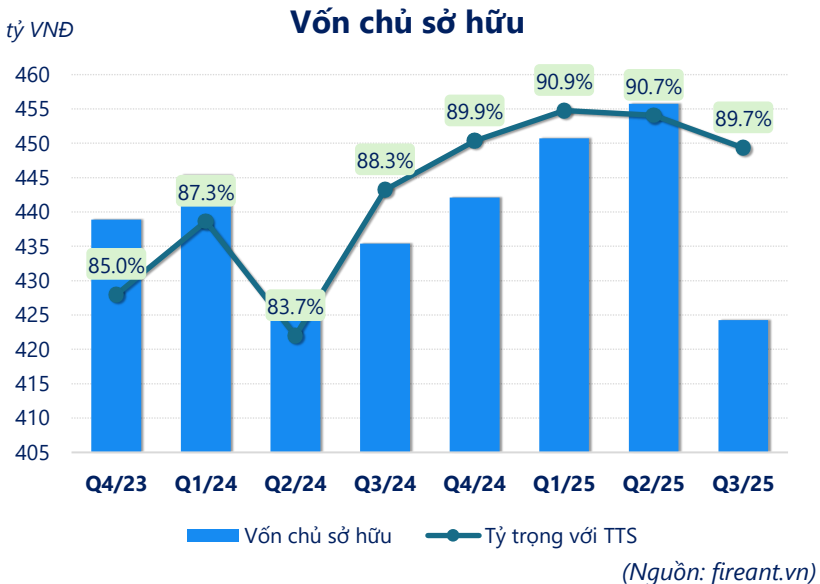
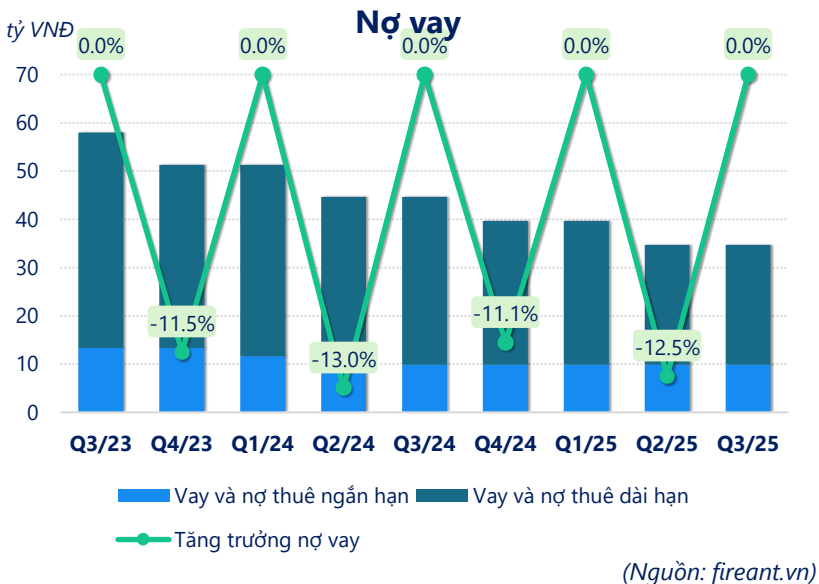
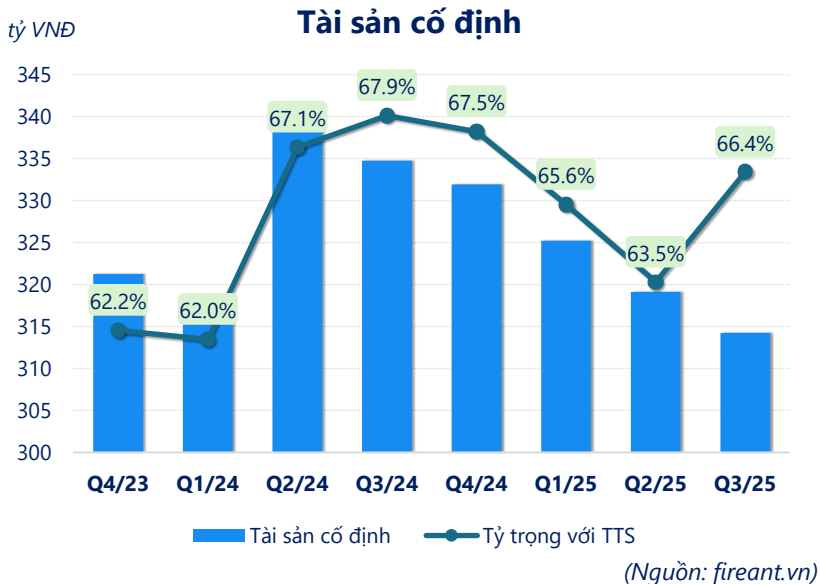
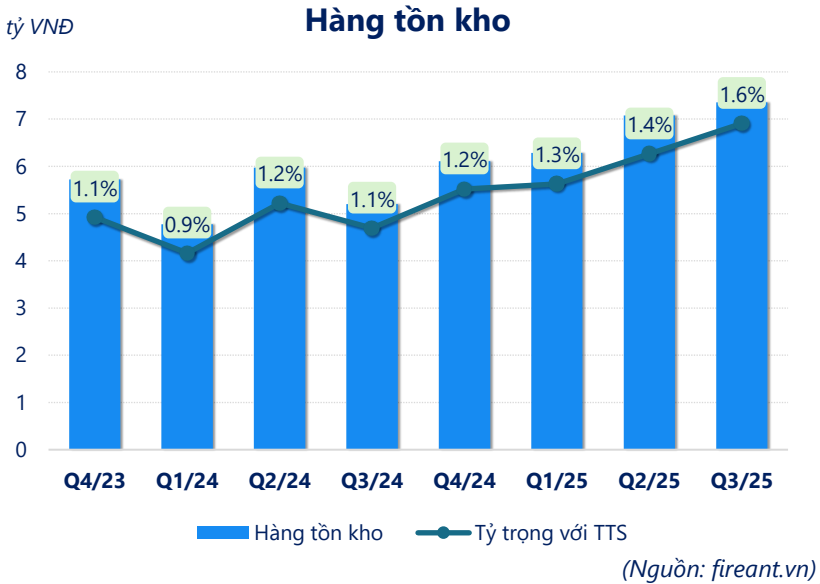
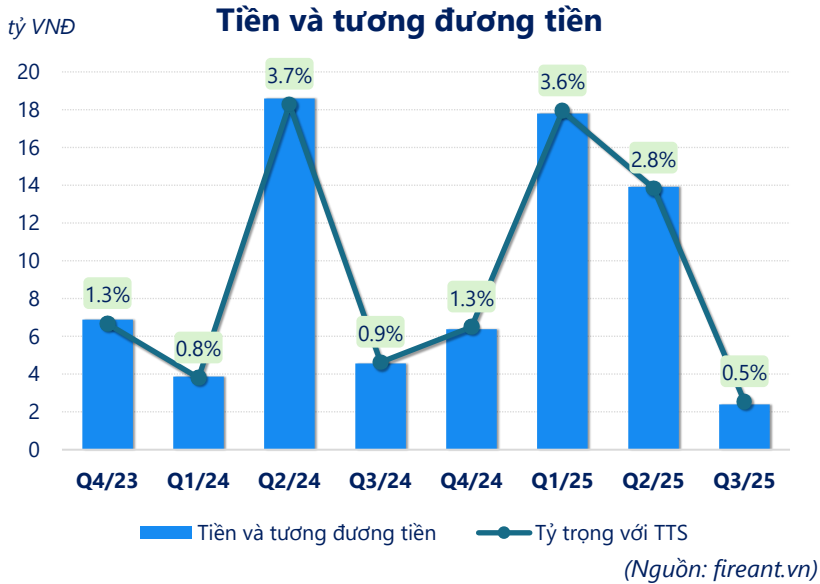
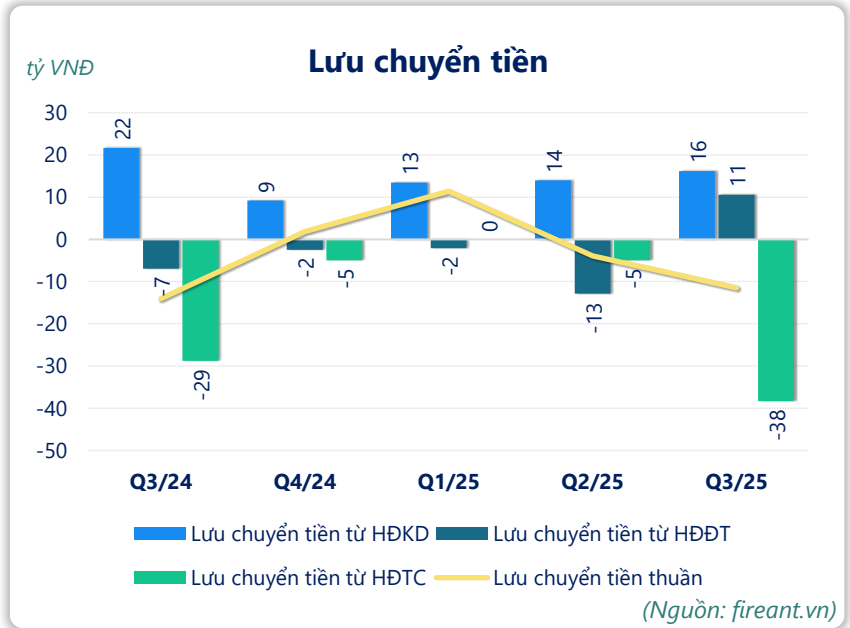
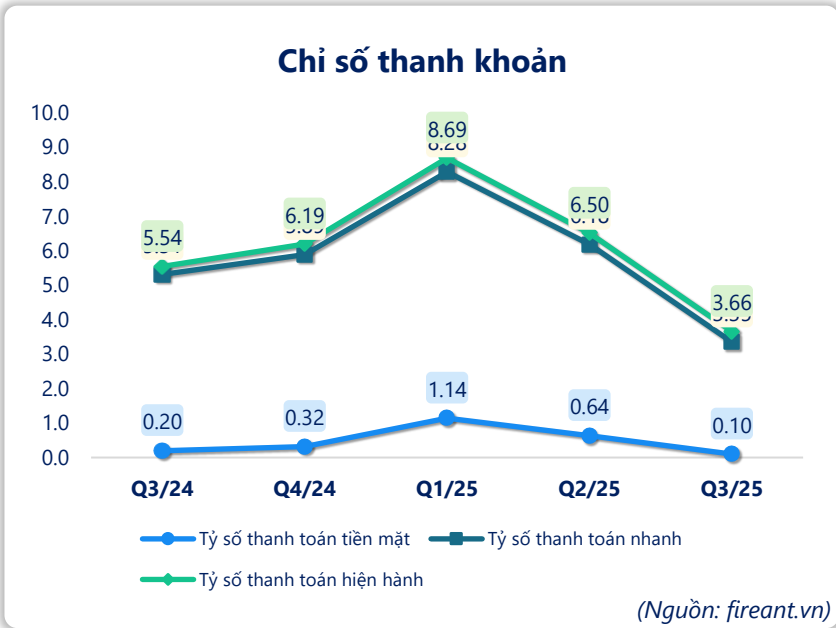
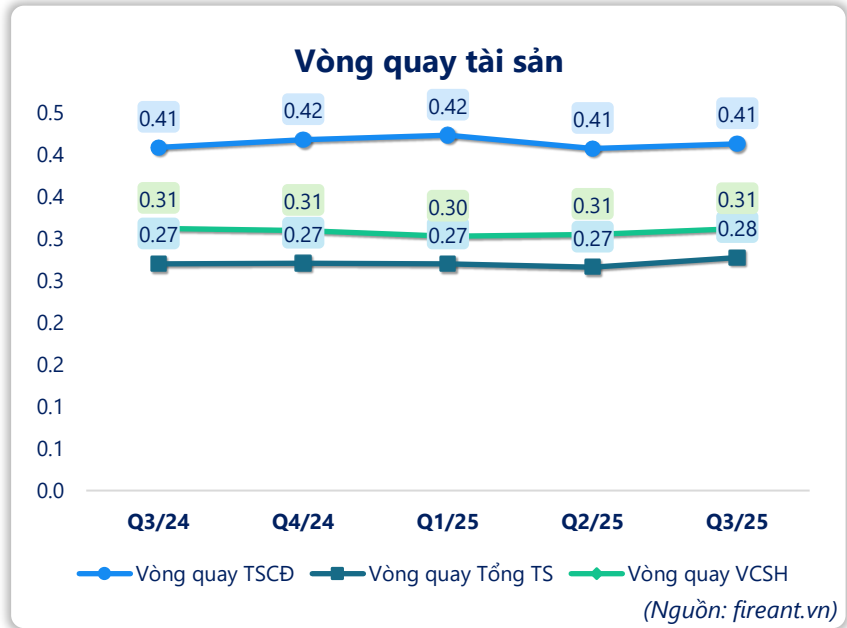
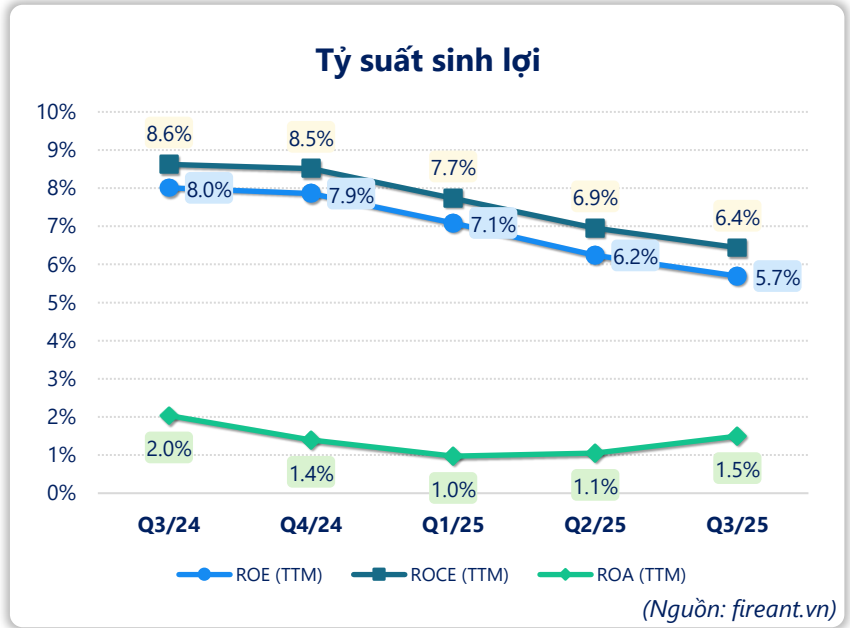
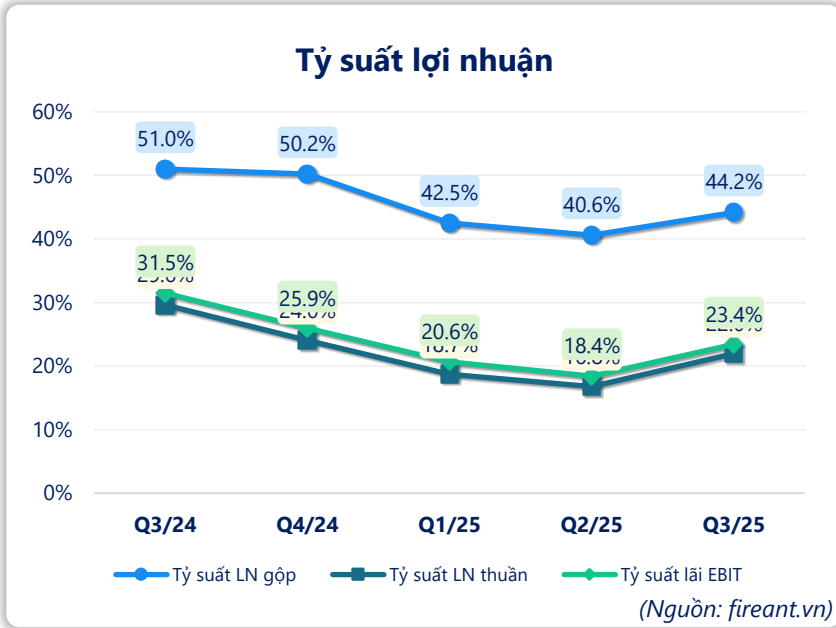
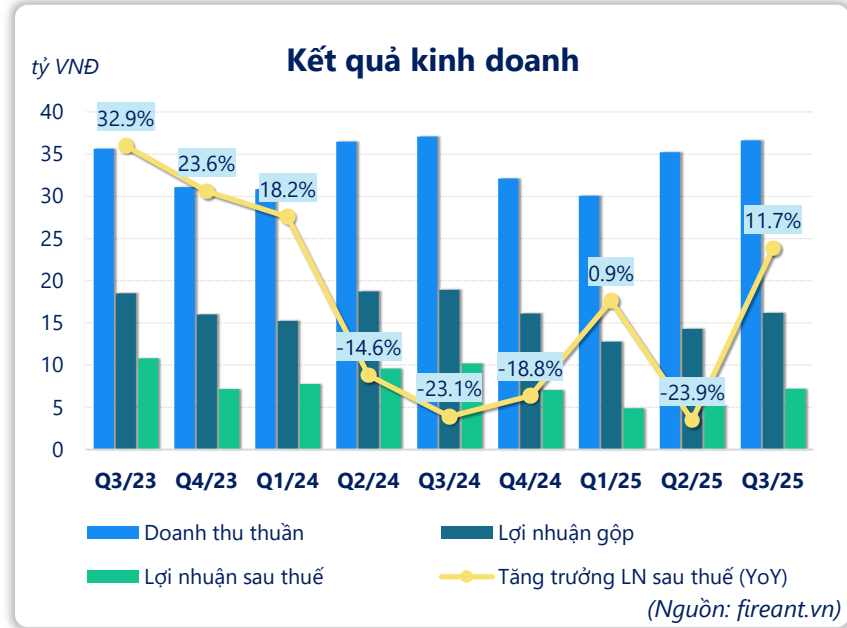


Thông tin giao dịch		30/09/2025
Giá hiện tại (VNĐ)		14,000
Cao nhất 52 tuần (VNĐ)		16,000
Thấp nhất 52 tuần (VNĐ)		9,879
SL cổ phiếu LH		38,363,579
KLGD BQ 20 phiên (CP)		165
% sở hữu nước ngoài		0.1%
Vốn điều lệ (tỷ VNĐ)		
Vốn hóa (tỷ VNĐ)		537
P/E		21.9
EPS		638

	YTD	1T	3T	6T
PWS	29.4%	-12.5%	17.2%	18.1%
VNINDEX	30.9%	-1.2%	20.2%	26.1%







CÂN ĐỐI KẾ TOÁN (tỷ VNĐ)	Tại ngày 30/9/2025	Tại ngày 31/12/2024	Thay đổi
Tổng tài sản	473	495	-4.5%
Tài sản ngắn hạn	88.0	128	-31.3%
Tiền và tương đương tiền	2.40	6.38	-62.4%
Đầu tư tài chính ngắn hạn	65.8	105	-37.0%
Phải thu ngắn hạn	11.4	10.0	13.8%
Hàng tồn kho	7.35	6.11	20.4%
Tài sản ngắn hạn khác	0.98	0.98	0.5%
Tài sản dài hạn	385	367	4.9%
Phải thu dài hạn	1.65	1.65	0.0%
Tài sản cố định	314	332	-5.3%
Bất động sản đầu tư	0	0	
Tài sản dở dang	38.3	6.22	516%
Đầu tư tài chính dài hạn	9.00	5.00	80.0%
Tài sản dài hạn khác	22.0	22.5	-2.2%
Lợi thế thương mại	0	0	
Nợ phải trả	48.9	49.2	-0.7%
Nợ ngắn hạn	24.1	19.5	23.6%
Vay và nợ thuê ngắn hạn	9.92	9.92	0.0%
Phải trả người bán ngắn hạn	1.69	2.88	-41.3%
Nợ dài hạn	24.8	29.8	-16.7%
Vay và nợ thuê dài hạn	24.8	29.8	-16.7%
Nguồn vốn chủ sở hữu	424	446	-4.9%
Vốn chủ sở hữu	424	446	-4.9%
Vốn điều lệ	384	384	0.0%
Kinh phí và quỹ khác	0	0	

(Nguồn: fireant.vn)

KẾT QUẢ KINH DOANH (tỷ VNĐ)	Q3/24	Q4/24	Q1/25	Q2/25	Q3/25
Doanh thu thuần	37.1	32.1	30.1	35.2	36.6
Giá vốn hàng bán	18.2	16.0	17.3	20.9	20.4
Lợi nhuận gộp	18.9	16.1	12.8	14.3	16.2
Doanh thu HĐTC	1.26	1.42	1.41	1.42	1.27
Chi phí TC	0.68	0.66	0.60	0.58	0.53
Chi phí lãi vay	0.68	0.66	0.60	0.58	0.53
LN trong công ty LKLD	0	0	0	0	0
Chi phí bán hàng	4.99	6.06	5.41	6.10	5.86
Chi phí QLDN	3.52	3.12	2.58	3.13	3.02
LN thuần từ HĐKD	11.0	7.72	5.62	5.91	8.04
Lợi nhuận khác	0.00	-0.04	0.00	0.00	0.00
LN trước thuế	11.0	7.67	5.61	5.91	8.04
Lợi nhuận sau thuế	10.2	7.04	4.89	5.33	7.21
LNST của CĐ cty mẹ	10.2	7.04	4.89	5.33	7.21

(Nguồn: fireant.vn)

LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ (tỷ VNĐ)	Q3/24	Q4/24	Q1/25	Q2/25	Q3/25
Lưu chuyển tiền từ HĐKD	21.6	9.22	13.5	14.0	16.2
Lưu chuyển tiền từ HĐĐT	-6.93	-2.43	-2.05	-12.9	10.6
Lưu chuyển tiền từ HĐTC	-28.8	-4.97	0	-4.96	-38.3
Tiền đầu kỳ	18.6	4.56	6.38	17.8	13.9
Lưu chuyển tiền thuần	-14.0	1.82	11.4	-3.88	-11.5
Ảnh hưởng tỷ giá	0	0	0	0	0
Tiền cuối kỳ	4.56	6.38	17.8	13.9	2.40

(Nguồn: fireant.vn)